

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 33/2008/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Cục Đường sắt Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Vị trí và chức năng**

Cục Đường sắt Việt Nam là tổ chức trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về giao thông vận tải đường sắt trong phạm vi cả nước.

Cục Đường sắt Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu, được hưởng kinh phí từ ngân sách nhà nước, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và có trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội.

Cục Đường sắt Việt Nam có tên giao dịch viết bằng tiếng Anh: VIETNAM RAILWAY ADMINISTRATION; viết tắt là: VRA.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm, các chương trình, dự án, đề án quốc gia về phát triển giao thông vận tải đường sắt trong phạm vi cả nước theo sự phân công của Bộ trưởng; tham gia xây dựng hoặc đóng góp ý kiến đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực khác có liên quan đến giao thông vận tải đường sắt

theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải các văn bản quy phạm pháp luật về đường sắt; ban hành theo thẩm quyền các văn bản khác về đường sắt; tham gia xây dựng các dự án luật, văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

3. Về xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật:

a) Tổ chức xây dựng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn quốc gia về kết cấu hạ tầng đường sắt và khai thác vận tải đường sắt, trình Bộ Giao thông vận tải ban hành theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, công bố;

b) Tham gia với Cục Đăng kiểm Việt Nam xây dựng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tiêu chuẩn quốc gia về phương tiện giao thông đường sắt;

c) Tham gia xây dựng hoặc đóng góp ý kiến đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc lĩnh vực khác có liên quan đến đường sắt.

4. Về tổ chức thực hiện và tuyên truyền, phổ biến pháp luật:

a) Tổ chức thực hiện và kiểm tra, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đường sắt thực hiện các quy định của pháp luật về đường sắt;

b) Tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các dự án quốc gia về phát triển giao thông vận tải đường sắt đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo sự phân công của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

c) Chủ trì hoặc phối hợp trong việc tổ chức thực hiện thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giao thông vận tải đường sắt đến các đối tượng tham gia hoạt động đường sắt và cộng đồng dân cư nơi có đường sắt đi qua.

5. Về kết cấu hạ tầng:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quyết định đầu tư, chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng đường sắt sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo sự phân công, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

b) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án BT, BOT, BOO, BTO theo sự phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

c) Thẩm định, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt và giao kế hoạch hàng năm về bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do nhà nước đầu tư; tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý, bảo trì của doanh nghiệp, kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt;

d) Tổ chức xây dựng một số định mức kinh tế - kỹ thuật đặc thù áp dụng trong xây dựng, quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, công bố;

đ) Chủ trì xây dựng các quy định về mức phí, phương thức thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, phí điều hành giao thông vận tải đường sắt và giá thuê sử dụng kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

e) Phối hợp thẩm định, đánh giá, trình Bộ Giao thông vận tải công bố cấp kỹ thuật của tuyến, đoạn tuyến, khu đoạn đường sắt và ga đường sắt;

g) Kiểm tra, giám sát việc cấp phép đối với việc xây dựng và thực hiện hoạt động trong phạm vi đất dành cho đường sắt, thành lập, nâng cấp, cải tạo đường ngang và xây dựng, cải tạo, nâng cấp nhà ga, đường ga;

h) Cấp phép đấu nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia theo sự phân công, phân cấp của Bộ Giao thông vận tải;

i) Tham gia phê duyệt quyết toán sản phẩm, dịch vụ công ích thuộc nguồn vốn sự nghiệp kinh tế đường sắt và sự nghiệp kinh tế khác.

6. Về phương tiện giao thông đường sắt:

a) Tham gia với Cục Đăng kiểm Việt Nam thẩm định thiết kế kỹ thuật đối với phương tiện giao thông đường sắt trước khi sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, hoán cải;

b) Tổ chức quản lý và cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt hoạt động trên đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia.

7. Về nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu:

a) Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở đào tạo trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về nội dung, chương trình đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ công tác chạy tàu;

c) Tổ chức thực hiện các quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái tàu;

d) Xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia những nghề đặc thù thuộc chuyên ngành đường sắt trình cấp có thẩm quyền ban hành.

8. Về hoạt động vận tải:

a) Tham gia xây dựng các chính sách cơ chế khuyến khích, hỗ trợ phát triển vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức phục vụ nhu cầu trong nước và đối ngoại;

b) Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động kinh doanh vận tải đường sắt và hoạt động

dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố việc đóng mở các tuyến, đoạn tuyến, khu đoạn đường sắt, ga đường sắt của đường sắt quốc gia;

d) Hướng dẫn các doanh nghiệp kinh doanh vận tải và các ga đường sắt có tham gia hoạt động liên vận quốc tế thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo các thỏa thuận, điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

9. Về an toàn giao thông:

a) Xây dựng các quy định liên quan đến lĩnh vực quản lý an toàn giao thông đường sắt trình cấp có thẩm quyền ban hành;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, kế hoạch tổng thể về bảo đảm an toàn giao thông đường sắt theo phân công của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường sắt;

c) Tổ chức thẩm tra điều kiện và cấp chứng chỉ an toàn cho doanh nghiệp kinh doanh đường sắt;

d) Tham gia Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn Bộ Giao thông vận tải; tham gia chỉ đạo phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn đối với ngành đường sắt;

đ) Tham gia điều tra, xử lý sự cố, tai nạn giao thông đường sắt.

10. Về khoa học công nghệ:

a) Tham gia xây dựng trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt kế hoạch khoa học công nghệ của ngành đường sắt;

b) Quản lý việc thực hiện các đề tài khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực đường sắt sử dụng vốn ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ theo sự phân công, phân cấp của Bộ Giao thông vận tải;

c) Tổ chức thực hiện công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực đường sắt; phối hợp tổ chức nghiệm thu các đề tài, dự án ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực đường sắt.

11. Về bảo vệ môi trường:

a) Xây dựng các quy định liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ môi trường đối với hoạt động giao thông đường sắt trình cấp có thẩm quyền ban hành;

b) Xây dựng nhiệm vụ, kế hoạch bảo vệ môi trường trong lĩnh vực đường sắt trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Quản lý việc thực hiện các đề tài, dự án bảo vệ môi trường trong lĩnh vực đường sắt sử dụng vốn ngân sách sự nghiệp bảo vệ môi trường theo sự phân công, phân cấp của Bộ Giao thông vận tải;

d) Tham gia thẩm định Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC), Báo

cáo Đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với các dự án thuộc lĩnh vực đường sắt hoặc có liên quan đến đường sắt;

đ) Tham gia kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực đường sắt.

12. Về hợp tác quốc tế:

a) Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế về lĩnh vực đường sắt; chủ trì hoặc tham gia đàm phán để ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, tổ chức quốc tế về lĩnh vực đường sắt theo sự phân công, phân cấp của Bộ Giao thông vận tải;

b) Tổ chức đàm phán và ký kết nghị định thư đường sắt biên giới hàng năm với cơ quan quản lý nhà nước về đường sắt của quốc gia có nối ray với đường sắt Việt Nam theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

c) Tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong lĩnh vực đường sắt theo phân cấp quản lý;

d) Giới thiệu nhân sự đề nghị Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải cử tham gia các tổ chức hợp tác quốc tế về đường sắt; quản lý, chỉ đạo hoạt động của các thành viên này trong nhiệm kỳ công tác;

đ) Tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế khác theo thẩm quyền.

13. Về công tác thanh tra, kiểm tra:

a) Thanh tra, kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Cục;

b) Thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật về giao thông vận tải đường sắt đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quy định của pháp luật theo thẩm quyền.

14. Hướng dẫn, tạo điều kiện cho hội, tổ chức phi Chính phủ tham gia vào hoạt động trong giao thông vận tải đường sắt theo quy định của pháp luật.

15. Xây dựng và thực hiện chương trình cải cách hành chính của Cục theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước của Bộ Giao thông vận tải; trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc phân cấp nhiệm vụ quản lý nhà nước về giao thông vận tải đường sắt.

16. Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt cơ cấu tổ chức và biên chế của Cục phù hợp nhiệm vụ được giao từng thời kỳ; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế được giao; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước và người lao động thuộc phạm vi quản lý; thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc Cục.

17. Thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực đường sắt do nhà nước quy định.

18. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định; tổ chức thu các loại phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

19. Trực tiếp quan hệ với các cơ quan quản lý nhà nước liên quan để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

20. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao.

Điều 3. Các tổ chức giúp việc Cục trưởng

1. Phòng Tổ chức cán bộ.
2. Phòng Kế hoạch và Đầu tư.
3. Phòng Tài chính.
4. Phòng Pháp chế - Hợp tác quốc tế.
5. Phòng Vận tải - An toàn giao thông.
6. Phòng Xây dựng cơ bản.
7. Phòng Khoa học - Công nghệ và Môi trường.
8. Phòng Kết cấu hạ tầng.
9. Văn phòng.
10. Thanh tra.

Điều 4. Lãnh đạo Cục

1. Cục Đường sắt Việt Nam có Cục trưởng là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Cục Đường sắt Việt Nam; giúp việc Cục trưởng có các Phó Cục trưởng, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được Cục trưởng phân công.

2. Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm, miễn nhiệm.

3. Các Phó Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo; bãi bỏ Quyết định số 1891/2003/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường sắt Việt Nam.

2. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng